



TẬP BÀI GIẢNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC



Biên soạn: Trịnh Bá Phương

Lưu hành nội bộ_2020

TỔNG QUAN VỀ MÔN HỌC

1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học
2. Thời lượng: 2 tín chỉ
3. Trình độ: Dùng cho sinh viên bậc đại học khối không chuyên ngành Lý luận chính trị
4. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần môn Triết học Mác - Lênin và Kinh tế chính trị học Mác - Lênin
5. Mục tiêu môn học

Về kiến thức: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Về kỹ năng: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

Về thái độ: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXHKH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung.

6. Mô tả vắn tắt nội dung: Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKH theo mục tiêu môn học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.
- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

8. Tài liệu học tập

Giáo trình CNXHKH do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

Chương 1

NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

A. NỘI DUNG

1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo hai nghĩa

+ Nghĩa rộng: Chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải từ các giác độ triết học, kinh tế học chính trị và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu của lịch sử loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

+ Nghĩa hẹp: Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin gồm ba bộ phận đó là triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong khuôn khổ môn học, chủ nghĩa xã hội khoa học được nghiên cứu theo nghĩa hẹp.

1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời không phải là ý muốn chủ quan của bất kỳ ai, tự nhiên mà có, mà được bắt nguồn từ chính những điều kiện thực tiễn lúc bấy giờ.

1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, nền đại công nghiệp cơ khí làm cho phương thức sản xuất tư bản có bước phát triển vượt bậc, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát có tính xã hội hóa ngày càng cao. Cùng với sự phát triển đó là sự ra đời của hai giai cấp cơ bản, đối lập về lợi ích nhưng nương tựa vào nhau: giai cấp tư sản và giai cấp công nhân:

+ Giai cấp công nhân: đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến mang **tính xã hội hóa ngày càng cao, bị bóc lột về giá trị thặng dư**.

+ Giai cấp tư sản: đại diện cho quan hệ sản xuất dựa trên **chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa** về tư liệu sản xuất, bóc lột giá trị thặng dư của công nhân làm thuê.

Trong mối quan hệ biện chứng quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong xã hội tư bản lúc bấy giờ, lực

lượng sản xuất đang phát triển mang tính xã hội hóa ngày càng cao điều này tất yếu phải có quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mới tạo điều kiện để lực lượng sản xuất phát triển, tuy nhiên trong xã hội tư bản vẫn duy trì chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất điều này mang lại mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản là **mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính chất tư hữu về tư liệu sản xuất của quan hệ sản xuất**. Mà giai cấp công nhân là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất mới, có tính xã hội hóa ngày càng cao cần phải **xóa bỏ** chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất để giải phóng mình, ngược lại giai cấp tư sản là giai cấp đại diện cho quan hệ sản xuất dựa trên chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chính vì vậy giai cấp tư sản cần phải **bảo vệ** chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Như vậy, từ mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến mâu thuẫn về mặt xã hội giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản nổ ra mạnh mẽ, từng bước có tổ chức và quy mô mở rộng. Tiêu biểu là phong trào Hiến chương của người lao động Anh diễn ra (1836 - 1848), phong trào công nhân dệt ở thành phố Xiledi Đức năm 1844, phong trào của công nhân Dệt ở Lyon Pháp. Các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã cho thấy lần đầu tiên, giai cấp công nhân đã xuất hiện như một **lực lượng chính trị độc lập** với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và hướng mũi nhọn vào kẻ thù chính là giai cấp tư sản.

Chính sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách bức thiết cần có một hệ thống lý luận soi đường và cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động.

Chính điều kiện kinh tế - xã hội ấy đã trở thành mảnh đất hiện thực cho sự ra đời một lý luận mới tiên bộ là - chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.1.2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

a. Tiền đề khoa học tự nhiên

Một học thuyết khoa học ra đời đòi hỏi phải có sự kiểm chứng bởi thực tiễn, chính các thành tựu khoa học tự nhiên đã tạo ra tiền đề cơ sở luận chứng cho các

luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử để từ đó vận dụng để nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị - xã hội đương thời.

Các tiền đề đó là:

- + Học thuyết Tiến hóa (1859) của nhà khoa học Anh C.Darwin (1809 -1882).
- + Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng (1842 - 1845) của M.Lomonosov (1711 - 1765) Nga, và J.Mayer (1814 - 1878) Đức.
- + Học thuyết tế bào (1838 -1839) của nhà thực vật học người Đức M.Schleiden (1804 - 1881) và nhà vật lý học người Đức T.Schwam (1810 - 1882).

Các tiền đề khoa học tự nhiên đã luận chứng cho các quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử theo đó sự vận động phát triển của xã hội không nằm ngoài các quy luật khách quan, chính sự vận động của các yếu tố cấu thành nên hình thái kinh tế - xã hội là lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng đã tạo ra sự chuyển biến của xã hội từ hình thái kinh tế - xã hội này lên hình thái kinh tế - xã hội khác. Vận dụng cách nhìn đó vào sự vận động của các yếu tố của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa thì tất yếu sẽ được thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn mà chúng ta gọi là hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

b. Tiền đề lý luận

Trong khoa học xã hội cũng có nhiều thành tựu đáng ghi nhận đó là phép biện chứng của Heghen (1770 - 1831), chủ nghĩa duy vật của Phoiobac (1804 - 1872); kinh tế chính trị học cổ điển của Anh với A.Smith (1723 - 1790), D.Ricardo (1772 - 1823).

Lý luận về một xã hội tốt đẹp không còn áp bức, bóc lột, phê phán xã hội tư bản không phải chỉ xuất hiện trong thời của C.Mác và Ph.Ăngghen mà trước đó đã có nhiều nhà tư tưởng thể hiện nó mà tiêu biểu là chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán với các đại biểu là Xanh Ximong (1760 - 1825), S.Phuiric (1772 - 1837) và R.Oen (1771 - 1858). Những giá trị của chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp đã được C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa một cách có chọn lọc.

Giá trị của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán là: *Một là*, thể hiện được tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế về chế độ tư bản chủ nghĩa

đầy bất công, xung đột, của cải khánh kiệt, đạo đức đảo lộn, tội ác gia tăng. Những sự phản ánh này đã nói lên rằng chủ nghĩa tư bản là một nấc thang trong sự phát triển tuy nhiên nó không phải là xã hội hoàn hảo nhất, bản thân chủ nghĩa tư bản chứa đựng một hạn chế không tránh khỏi đó là sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng giữa người với người, nó đẩy sự giàu có về một nhóm ít người và đẩy sự nghèo khổ về phía còn lại – phía những người mà chính họ mới là người tạo ra khối lượng của cải ấy. *Hai là*, đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai: về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; vai trò của công nghiệp và khoa học - kỹ thuật, sự giải phóng phụ nữ.....*Ba là*, góp phần thức tỉnh giai cấp công nhân và người lao động trong đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa.

Hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán: không phát hiện ra được quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung; bản chất, quy luật vận động phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng; không phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là giai cấp công nhân; không chỉ ra được những biện pháp hiện thực cải tạo xã hội áp bức, bất công đương thời, xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Những hạn chế này do những nguyên nhân khách quan do điều kiện lịch sử đồng thời cũng xuất phát từ hạn chế về tầm nhìn và thế giới quan của những nhà tư tưởng lúc bấy giờ.

C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những hạt nhân hợp lý, loại bỏ những bất hợp lý, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen

Những điều kiện kinh tế - xã hội và những tiền đề khoa học tự nhiên, tư tưởng lý luận là điều kiện cần cho một học thuyết ra đời, song điều kiện đủ để một học thuyết khoa học, cách mạng và sáng tạo ra đời chính là vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen

C.Mác (1818 - 1883) và Ph.Ăngghen (1820 - 1895) trưởng thành ở Đức. Bằng vào trí tuệ uyên bác và sự dấn thân vào phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động C.Mác và Ph.Ăngghen đã tìm thấy nhau những

điểm tương đồng và trên cơ sở kho tàng tri thức nhân loại, hai ông đã trở thành những nhà khoa học thiên tài, những nhà cách mạng vĩ đại nhất thời đại.

1.2.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

Ban đầu cả C.Mác và Ph.Ăngghen đứng trên lập trường của phái Heghen trẻ mang thế giới quan duy tâm và mang lập trường dân chủ cách mạng. Bằng vào nhãn quan khoa học uyên bác, các ông đã thấy được những mặt tích cực và hạn chế trong hệ thống triết học cổ điển Đức. Đáng chú ý quá trình này diễn ra độc lập ở mỗi người.

Đối với C.Mác, từ cuối năm 1843 đến 4/1844 thông qua tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Heghen - Lời nói đầu (1844)”, đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Đối với Ph.Ăngghen, từ năm 1843 với tác phẩm “Tình cảnh nước Anh”, “Lược khảo khoa kinh tế - chính trị” đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Như vậy, trong giai đoạn ngắn từ 1843 - 1848 C.Mác và Ph.Ăngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó.

1.2.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen

a/ Chủ nghĩa duy vật lịch sử

C.Mác và Ph.Ăngghen đã vận dụng phép biện chứng duy vật vào nghiên cứu các vấn đề xã hội từ đó sáng tạo chủ nghĩa duy vật lịch sử - phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen. Giắcơ Đêrriđa (Jacques Derrida) – nhà triết học người Pháp, một trong những nhà triết học phương Tây nổi tiếng thế giới ở thế kỷ XX, trong cuốn Những bóng ma của Mác (Spectres de Marx) đã đánh giá với việc sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử là C.Mác đã “đem lại cách viết mới về lịch sử”.

Với chủ nghĩa duy vật lịch sử đã khẳng định về mặt triết học sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là tất yếu như nhau.

b/ Học thuyết về giá trị thặng dư

Trước C.Mác và Ph.Ăngghen, nhiều nhà tư tưởng đã phê phán, chỉ trích giai cấp tư sản bóc lột giai cấp công nhân nhưng lại bất lực trong việc chỉ ra giai cấp tư sản bóc lột cái gì? Với phát kiến ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đã tìm ra lời giải đó là bóc lột giá trị thặng dư.

Giá trị thặng dư là phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng định về phương diện kinh tế - xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

c/ Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân

Chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán đã phác thảo nên một xã hội mới tốt đẹp, không còn áp bức, bóc lột nhưng lại không chỉ ra được lực lượng cũng như phương pháp để xây dựng xã hội đó cho nên mang tính không tưởng.

C.Mác và Ph.Ăngghen bằng vào hai phát kiến ban đầu đã có phát kiến vĩ đại thứ ba, đó là chỉ ra giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là - giai cấp công nhân.

Với việc chỉ ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đã khẳng định về phương diện chính trị - xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

1.2.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

Tháng 2/1848 được sự ủy nhiệm của những người cộng sản và công nhân quốc tế, C.Mác và Ph.Ăngghen biên soạn tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” công bố trước thế giới.

Sự ra đời của tác phẩm vĩ đại này đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác gồm ba bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Chính Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và logic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản trở thành cương lĩnh chính trị, kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công

nhân quốc tế, là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người vĩnh viễn thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột giai cấp, bảo đảm cho loài người được thực sự sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc.

Một số luận điểm nổi bật trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản:

- Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.
- Logic phát triển tất yếu của xã hội tư sản và cũng là của thời đại tư bản chủ nghĩa đó là sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là tất yếu như nhau
- Cuộc đấu tranh của giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn xã hội ra khỏi tình trạng phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột và đấu tranh giai cấp. Song, giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức ra chính đảng của giai cấp. Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.
- Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, cần thiết phải thiết lập sự liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Người cộng sản phải tiến hành cách mạng không ngừng nhưng phải có chiến lược, sách lược khôn khéo và kiên quyết

2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

2.1.1. Thời kỳ 1848 đến Công xã Pari (1871)

Đây là thời kỳ của những sự kiện cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848 - 1852); Quốc tế I thành lập (1864); tập I bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản (1867).

Thông qua tổng kết thực tiễn các cuộc cách mạng (1848 - 1852), C.Mác và Ph.Ăngghen tiếp tục phát triển thêm nhiều nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học: Tư tưởng về đập tan bộ máy nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản, bổ sung tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng sự kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân, tư tưởng về xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và xem đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

2.1.2. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển toàn diện chủ nghĩa xã hội khoa học: bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu, không đập tan bộ máy nhà nước tư sản nói chung; vai trò và nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, dự kiến về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, thừa nhận Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân... C.Mác và Ph.Ăngghen cũng yêu cầu phải tiếp tục bổ sung và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học phù hợp với điều kiện lịch sử mới. C.Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ coi học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều, nhất thành bất biến, trái lại nhiều lần hai ông đã chỉ rõ đó chỉ là những “gợi ý” cho mọi suy nghĩ và hành động.

2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới

V.I.Lênin (1870 - 1924) là người kế tục xuất sắc sự nghiệp cách mạng và khoa học của C.Mác - Ph.Ăngghen; tiếp tục bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo và hiện thực hóa một cách sinh động lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại mới.

2.2.1. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga

V.I.Lênin đã bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học:

+ Đấu tranh chống các trào lưu phi mác xít (chủ nghĩa dân túy tự do, phái kinh tế, phái mác xít hợp pháp) nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác, mở đường cho chủ nghĩa Mác thâm nhập mạnh mẽ vào Nga.

+ V.I.Lênin đã xây dựng lý luận về đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của đảng.

+ Kế thừa, phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của C.Mác - Ph.Ăngghen, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và điều kiện tất yếu cho sự chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc.

+ Về khả năng nổ ra cách mạng xã hội chủ nghĩa V.I.Lênin đã kết luận: cách mạng vô sản có nổ ra và thắng lợi ở một số nước, thậm chí ở nước riêng lẻ, nơi chủ nghĩa tư bản chưa phải phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa.

+ Luận giải về chuyên chính vô sản, xác định bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản.

+ Gắn hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng.

2.2.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga

Sau cách mạng Tháng Mười, V.I.Lênin đã viết nhiều tác phẩm quan trọng về những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ mới, tiêu biểu là những luận điểm:

Về chuyên chính vô sản: hình thức nhà nước mới – nhà nước dân chủ, dân chủ đối với những người vô sản và nói chung những người không có của và chuyên chính đối với giai cấp tư sản. Dựa trên cơ sở và nguyên tắc là sự liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Thực hiện nhiệm vụ là thủ tiêu mọi chế độ người bóc lột người, xây dựng chủ nghĩa xã hội

Về thời kỳ quá độ chính trị từ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa cộng sản; về chế độ dân chủ: là thời kỳ chuyển biến mà cốt lõi là giai cấp công nhân cần đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản. Quá trình này là một cuộc đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và bằng kinh tế, bằng giáo dục và bằng hành chính, chống những thế lực và những tập tục của xã hội cũ.

Về chế độ dân chủ: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ mang bản chất của giai cấp công nhân, dân chủ gấp triệu lần hơn bất kỳ chế độ dân chủ tư sản nào.

Về cải cách hành chính bộ máy nhà nước: Cần phải xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, không hành chính, quan liêu và những người cộng sản cách mạng đã được tôi luyện.

Về cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga. Trong đó có rất nhiều quan điểm độc đáo, đặc biệt nhấn mạnh, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần thiết phải phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Về vấn đề dân tộc: trong hoàn cảnh đất nước có rất nhiều tộc người. Ba nguyên tắc cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc cần được đảm bảo: Quyền bình đẳng dân tộc; quyền dân tộc tự quyết và tình đoàn kết của giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc. Giai cấp vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại.

2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay.

Trên thực tiễn, trong mấy thập kỷ đầu bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, với những thành quả to lớn và nhanh chóng về nhiều mặt để Liên Xô trở thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên và duy nhất trên toàn cầu, buộc thế giới phải thừa nhận và nể trọng.

Đến những năm cuối của thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, do nhiều tác động tiêu cực, phức tạp từ bên trong và bên ngoài, mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, chủ nghĩa xã hội đứng trước một thử thách đòi hỏi vượt qua.

Song từ bản chất khoa học, sáng tạo, cách mạng và nhân văn, chủ nghĩa xã hội mang sức sống của qui luật tiến hóa của lịch sử đã và sẽ tiếp tục có bước phát

triển mới. Những Đảng Cộng sản kiên trì hệ tư tưởng Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, từng bước giữ ổn định để cải cách, đổi mới và phát triển.

Trung Quốc tiến hành cải cách, mở từ năm 1978 đã thu được những thành tựu đáng ghi nhận, cả về lý luận và thực tiễn. Trong công cuộc cải cách mở cửa Trung Quốc cũng còn nhiều vấn đề cần trao đổi, bàn cãi. Song, qua 40 năm thực hiện, Trung Quốc đã trở thành nước thứ hai trên thế giới về kinh tế và nhiều vấn đề, nhất là về lý luận “Một quốc gia, hai chế độ” cũng là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI (1986) đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đại hội XIII (2021) đã khẳng định “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” Trên tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Từ thực tiễn 35 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra một số bài học lớn, góp phần phát triển chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ mới:

Những đóng góp về mặt lý luận:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật của cách mạng Việt Nam
- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời từng bước về chính trị.
- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò kiến tạo, quản lý của Nhà nước.
- Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị, từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân.
- Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của cả dân tộc tạo nên sự thống nhất và đồng thuận xã hội tạo động lực cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, thực hiện hội nhập quốc tế; tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.
- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam – nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước.

Ngoài Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, những đóng góp của Đảng Cộng sản Cu Ba, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng có giá trị tạo nên sự bổ sung, phát triển đáng kể vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới.

3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng là một môn khoa học có đối tượng nghiên cứu riêng. Để tìm hiểu đối tượng nghiên cứu trước hết xem xét đến vai trò, nhiệm vụ của môn chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học chỉ ra con đường thực hiện bước chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội bằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng giác ngộ và hướng dẫn giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình trong ba thời kỳ: Đấu tranh lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền; thiết lập sự thống trị của giai cấp công nhân, thực hiện sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát triển chủ nghĩa xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa xã hội khoa học có nhiệm vụ cơ bản là luận chứng một cách khoa học tính tất yếu về mặt lịch sử thay thế của chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội gắn liền với sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân, địa vị, vai trò của quần chúng do giai cấp công nhân lãnh đạo trong cuộc đấu tranh cách mạng

thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Luận giải một cách khoa học về phương hướng và những nguyên tắc của chiến lược và sách lược; về con đường và các hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân. Chủ nghĩa xã hội khoa học có nhiệm vụ là phê phán đấu tranh bác bỏ những trào lưu tư tưởng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin và những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là những qui luật, tính qui luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin.

- Bên cạnh đó, sử dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể và những phương pháp có tính liên ngành, tổng hợp:

- + Phương pháp kết hợp lôgic và lịch sử: Trên cơ sở những tư liệu thực tiễn của các sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết cấu chặt chẽ, khoa học - tức là rút ra được lôgic của lịch sử, không dừng lại ở sự liên kết sự thật lịch sử.

- + Phương pháp khảo sát và phân tích dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội, chú ý phải luôn có sự nhạy bén về chính trị - xã hội trước tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội, trong nước và quốc tế.

- + Phương pháp so sánh: so sánh và làm sáng tỏ những điều tương đồng và khác biệt trong phương diện chính trị - xã hội giữa các mô hình xã hội, các lý thuyết, mô hình xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra, còn sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể của các khoa học xã hội khác: phương pháp thống kê, điều tra xã hội học, sơ đồ hóa, mô hình hóa....

3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

Về mặt lý luận

Trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Trên cơ sở nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và thế lực phản động đối với Đảng ta, Nhà nước, chế độ ta; chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

Về mặt thực tiễn

Bất kỳ một lý thuyết khoa học nào, đặc biệt là các khoa học xã hội, bao giờ cũng có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là những dự báo khoa học có tính quy luật. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học lại càng thấy rõ những khoảng cách đó, bởi vì chủ nghĩa xã hội trên thực tế, chưa có nước nào xây dựng

Nghiên cứu để thấy rằng không phải do chủ nghĩa xã hội – một xu thế xã hội hoá mọi mặt của nhân loại; cũng không phải do chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học... làm các nước xã hội chủ nghĩa khủng hoảng. Trái lại, chính là do các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thức và hành động trên nhiều vấn đề trái với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác-Lênin... đã giáo điều, chủ quan duy ý chí, bảo thủ, kể cả việc đổ ky, xem nhẹ những thành quả chung của nhân loại, trong đó có chủ nghĩa tư bản; đồng thời do xuất hiện chủ nghĩa cơ hội – phản bội trong một số đảng cộng sản và sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình đã làm cho chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào hoàn chỉnh.

Việc nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, lý luận chính trị - xã hội nói riêng và các khoa học khác... càng là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hoá, biến chất trong đảng và cả xã hội, giáo dục lý luận chính trị - xã hội một cách cơ bản khoa học tức là ta tiến hành củng cố niềm tin thật sự đối với chủ nghĩa xã hội... cho cán bộ, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và nhân dân. Tất nhiên đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế; tiến hành hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá về kinh tế; xây dựng “kinh tế tri thức”, thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... đang là những vận hội lớn, đồng thời cũng có những thách thức lớn đối với nhân dân ta, dân tộc ta. Đó cũng là trách nhiệm lịch sử rất nặng nề và vẻ vang của cả thế hệ trẻ đối với sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa trên đất nước ta.

Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học?
2. Phân tích sự bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học của V.I.Lênin?
3. Phân tích những đóng góp ý về lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới?

Chương 2

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là nội dung chủ yếu, điểm căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhờ phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân mà chủ nghĩa xã hội của C.Mác - Ph.Ăngghen trở thành chủ nghĩa xã hội khoa học.

A. NỘI DUNG

- 1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân**
 - 1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân**

C.Mác - Ph.Ăngghen dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ giai cấp công nhân: giai cấp công nhân, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp. Trong đó, C.Mác - Ph.Ăngghen xét giai cấp công nhân trên hai phương diện cơ bản: kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội.

a. Giai cấp công nhân trên phương diện kinh tế - xã hội

Giai cấp công nhân là con đẻ của nền đại công nghiệp: đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao.

b. Giai cấp công nhân trên phương diện chính trị - xã hội

Giai cấp công nhân là giai cấp những người lao động không có tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị bóc lột về giá trị thặng dư do đó họ có lợi ích trái ngược với lợi ích của giai cấp tư sản, họ trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản

Từ phân tích trên hai phương diện kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội. Khái niệm giai cấp công nhân được diễn đạt như sau:

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển nền công nghiệp hiện đại; Là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến; Là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc điểm của giai cấp công nhân

+ Lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa cao.

+ Giai cấp công nhân đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại

+ Giai cấp công nhân được rèn luyện trong môi trường công nghiệp nên có những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. Đó là giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là nhiệm vụ giai cấp công nhân phải thực hiện với tư cách là giai cấp tiên phong, lực lượng đi đầu trong cuộc cách mạng xác lập hình thái kinh tế - xã hội cao hơn hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa. Theo nghĩa đó, ở mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử loài người đều có vai trò của một giai cấp nhất định.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là nhiệm vụ của giai cấp công nhân phải thực hiện trong cuộc cách mạng xác lập kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. *Khái quát sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh **xóa bỏ** chủ nghĩa tư bản, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và **giải phóng** toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, **xây dựng** xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa văn minh. Nội dung cụ thể:*

a. Nội dung kinh tế

Giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời xã hội mới, thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện “một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động” để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Giải phóng lực lượng sản xuất (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.

b. Nội dung chính trị - xã hội

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động thiết lập nhà nước kiểu mới, sử dụng nhà nước như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới phục vụ cho quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện

dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

Trong lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do.

Cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội.

Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân không phải là thay thế chế độ sở hữu tư nhân này bằng một chế độ sở hữu tư nhân khác mà là xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (Giải thích vì sao giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử)

Thứ nhất, do địa vị kinh tế xã hội của giai cấp công nhân quy định

Giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất trong bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất của xã hội tư bản, họ đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, trình độ xã hội hóa cao. Nhưng lại không được sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu - bộ phận quan trọng nhất của quan hệ sản xuất. Chính vì vậy, nó quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tạo nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội - một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân có lợi ích đối lập với giai cấp tư sản và thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân có đầy đủ các phẩm chất cần thiết để trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng:

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất: là sản phẩm của nền đại công nghiệp nên giai cấp công nhân có trình độ chuyên môn, học vấn ngày càng cao. Môi trường sống và làm việc đã tạo điều kiện cho giai cấp công nhân nâng cao trí tuệ của mình. Trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ đã cung cấp tri thức chính trị - xã hội để giai cấp công nhân trở thành giai cấp tiên tiến. Giai cấp công nhân có hệ tư tưởng riêng và khả năng lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp công nhân là giai cấp có cách mạng triệt để nhất: là giai cấp bị áp bức, bóc lột nên giai cấp công nhân chỉ có thể giải phóng mình khi đồng thời giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ người bóc lột người. Tính cách mạng triệt để thể hiện ở mục tiêu đấu tranh triệt để là xóa bỏ tận gốc chế áp bức, bóc lột chứ không phải thay đổi sự bóc lột này thành bóc lột khác. Trong quá trình đấu tranh của mình giai cấp công nhân đã tìm thấy vũ khí lý luận của mình là chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ tư tưởng tiên tiến nhất, cách mạng nhất.

Giai cấp công nhân có tính kỷ luật cao và tinh thần đoàn kết cao: Do điều kiện sản xuất tập trung, khoa học kỹ thuật và sự phân công lao động nên giai cấp công nhân có tính kỷ luật cao. Chỉ có tính kỷ luật cao, có tổ chức chặt chẽ, đoàn kết với nhau mới tạo được sức mạnh để lật đổ giai cấp tư sản.

Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế: giai cấp công nhân trên thế giới đều có địa vị như nhau, đều bị bóc lột nên muốn giải phóng mình phải đồng thời giải phóng toàn thế giới. Bản thân giai cấp tư sản là một lực lượng quốc tế, muốn thắng nó giai cấp công nhân phải có sự liên minh quốc tế.

1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử (Trả lời cho câu giai cấp công nhân cần gì để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của mình)

Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân tuy nhiên nếu muốn hoàn thành sứ mệnh đó bản thân giai cấp công nhân cũng phải có những điều kiện chủ quan:

a, Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng

Giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng công nghiệp, của kỹ thuật và công nghệ.

Chất lượng công nhân thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Chất lượng công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử.

b, Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình

Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng và dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

Đảng Cộng sản ra đời là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. (Ở Việt Nam???)

Mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản: Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản là tập hợp những bộ phận ưu tú nhất, giác ngộ nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tự nguyện đứng trên lập trường của giai cấp công nhân. Đảng Cộng sản là đại biểu trung thành với lợi ích của bản chất giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội, đồng thời có mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân và quần chúng lao động trong xã hội điều đó là nguồn gốc sức mạnh của Đảng Cộng sản.

Ngoài hai điều kiện chủ quan để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay

2.1.1. Giai cấp công nhân hiện nay

Giai cấp công nhân hiện nay là những tập đoàn người sản xuất và dịch vụ bằng phương thức công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của thế giới hiện nay.

Thứ nhất, về điểm tương đồng

- Giai cấp công nhân vẫn là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại, là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính xã hội hóa ngày càng cao
 - Công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư
 - Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội.
- ⇒ Những điểm tương đồng đã khẳng định: lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của thế giới ngày nay.

Thứ hai, những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại

- Xu hướng “trí tuệ hóa” tăng nhanh

Gắn liền với cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, với sự phát triển kinh tế tri thức, công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa. Nền sản xuất và dịch vụ hiện đại đòi hỏi người lao động phải có hiểu biết sâu rộng tri thức và kỹ năng nghề nghiệp.

Ngày nay công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại đáp ứng nhu cầu sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất. Hao phí lao động bao gồm cả hao phí về trí lực và sức lực, chủ yếu là hao phí về trí lực.

- Xu hướng “trung lưu hóa” gia tăng

Sự điều chỉnh của gia cấp tư sản về phương thức quản lý cũng như các biện pháp điều hòa mâu thuẫn xã hội đã làm cho một bộ phận công nhân đã tham gia vào sở hữu một lượng tư liệu sản xuất của xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa. Về mặt hình thức, họ không còn “vô sản” nữa mà có thể được “trung lưu hóa” về mức sống, nhưng về thực chất, ở các nước tư bản, quyền định đoạt quá trình sản xuất, quyền quyết định cơ chế phân phối lợi nhuận vẫn thuộc về giai cấp tư sản.

Tóm lại một số sự khác biệt so với giai cấp công nhân trước đây:

Về phương thức lao động: giai cấp công nhân hiện nay mang xu thế trí tuệ hóa, chủ yếu là hao phí về trí lực chứ không còn thuần túy về hao phí sức lực, cơ bắp.

Về cơ cấu, ngành nghề: đa dạng, không thuần nhất. Giai cấp công nhân hiện nay bao gồm:

- Người lao động SXVC trong quy trình công nghiệp. Người lao động có trình độ cao lấy SXVC trong công nghiệp làm nghề chính:

- + CN trực tiếp đứng máy
- + CN bảo trì
- + Chuyên gia nghiên cứu, sáng chế

- Người lao động trong các ngành dịch vụ, thương nghiệp (phục vụ trực tiếp cho công nghiệp): GTVT, BCVT,...

- Người lao động SXVC trong các ngành nông – lâm – ngư nghiệp... trực tiếp vận hành SX với kỹ thuật công nghiệp

Về đời sống: Có một phần rất nhỏ tư liệu sản xuất, nhu cầu vật chất, tinh thần ngày càng tăng, phong phú đa dạng hơn và đòi hỏi chất lượng hưởng thụ tinh thần cao hơn.

Về tính chất xã hội hóa: nâng cao và mở rộng thành chuỗi “giá trị toàn cầu”, quá trình sản xuất một sản phẩm liên kết nhiều công đoạn của nhiều vùng, miền, quốc gia, khu vực.

Mặc dù vậy, giai cấp công nhân vẫn còn sứ mệnh lịch sử bởi vì có những điểm không thay đổi đó là địa vị kinh tế - xã hội và đặc điểm chính trị xã hội. Giai cấp công nhân vẫn là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, vẫn có

những phẩm chất cách mạng triệt để, kỷ luật, tính tổ chức đồng thời vẫn là giai cấp phải làm thuê và bị bóc lột giá trị thặng dư.

2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

2.2.1. Về nội dung kinh tế - xã hội

Là lực lượng quan trọng trong sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa tư bản trong thế giới ngày nay. Sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động - dịch vụ trình độ cao chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản.

Thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phấn đấu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng.

2.2.2. Về nội dung chính trị - xã hội

Ở các nước tư bản chủ nghĩa: mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và lao động là chống bất công, bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được nêu rõ trong Cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa: Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền thì sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết tốt các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

2.2.3. Về nội dung văn hóa, tư tưởng

Đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường phát triển với những tác động mặt trái của nó.

Đưa các giá trị lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

Giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc.

3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

3.1. Khái niệm và đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam

Khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân Việt Nam có địa vị kinh tế - xã hội, địa vị chính trị - xã hội tương đồng với giai cấp công nhân thế giới: đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, bị chủ nghĩa tư bản bóc lột và có các phẩm chất tiên tiến, cách mạng, kỷ luật và bản chất quốc tế.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam số lượng còn ít, còn mang nhiều tâm lý tàn dư tiểu nông của giai cấp nông dân vì sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến và sản xuất công nghiệp chưa thật sự đầy đủ. Mặc dù vậy, Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau: (Lý do giai cấp công nhân Việt Nam trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng)

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng.
- Trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp, trong cuộc đấu tranh chống tư bản thực dân đế quốc và phong kiến để giành độc lập chủ quyền, xóa bỏ ách bóc lột và thống trị thực dân, giai cấp công nhân đã thể hiện mình là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân và phong kiến thống trị, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản.
- Giai cấp công nhân Việt Nam được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống đế quốc, thực dân nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị giai cấp, sớm giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, nhất là từ khi Đảng ra đời.

- Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội, lợi ích giai cấp công nhân và lợi ích dân tộc gắn chặt với nhau tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân tộc.

Những biến đổi trong thời kỳ đổi mới:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Giai cấp công nhân Việt Nam đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.
- Công nhân tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

Với những đặc điểm đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay cần phải xây dựng, phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh, hiện đại, đồng thời coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch vững mạnh.

3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời kỳ đổi mới: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng (Văn kiện hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, khóa X).

Nội dung cụ thể

- Trong kinh tế: Phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là nguồn lực

lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy khoa học - công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả.

- Trong chính trị - xã hội: Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đặc biệt giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên và tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa để bảo vệ nhân dân.
- Trong văn hóa tư tưởng: Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách. Bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

3.3.1. Phương hướng

Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, giác ngộ giai cấp, có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa các dân tộc. Nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân; bảo đảm việc làm, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ cho công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

3.3.2. Một số giải pháp chủ yếu

Một là, nâng cao nhận thức kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức và doanh nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân.

Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động.

Chương 3

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. NỘI DUNG

1. Chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội (socialism) được hiểu theo bốn nghĩa: 1/ Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công chống các giai cấp thống trị; 2/ Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3/ Là một khoa học - chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4/ Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra tính tất yếu của sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, đó là quá trình lịch sử tự nhiên. Sự thay thế này được thực hiện thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

Phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa:

C.Mác - Ph.Ăngghen cho rằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn: giai đoạn thấp - chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao - chủ nghĩa cộng sản; giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là thời kỳ quá độ. Như vậy, theo C.Mác và Ph.Ăngghen giai đoạn thấp chính là thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, ở đây C.Mác và Ph.Ăngghen đề cập chủ yếu tới sự quá độ về chính trị, sự quá độ đối với các nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển

V.I.Lênin phân chia hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa thành một thời kỳ và hai giai đoạn: thời kỳ quá độ - cơn đau đẻ kéo dài, chủ nghĩa xã hội -

giai đoạn đầu, chủ nghĩa cộng sản - giai đoạn cao. Ở đây, V.I. Lênin nhấn mạnh thời quá độ là thời kỳ quá độ từ những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản hoặc chủ nghĩa tư bản chưa phát triển lên chủ nghĩa xã hội.

1.2 Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội

+ Điều kiện kinh tế - xã hội

Chủ nghĩa xã hội ra đời phải xuất phát từ sự phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất đang phát triển mang tính xã hội hóa ngày càng cao, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển dần trở nên lỗi thời, xiềng xích của lực lượng sản xuất. Mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại và giai cấp tư sản lỗi thời. Cuộc đấu tranh của hai giai cấp này xuất hiện và ngày càng gay gắt và có tính chính trị rõ rệt. Như vậy, muốn có chủ nghĩa xã hội thì lực lượng sản xuất phải phát triển tới trình độ xã hội hóa ngày càng cao.

+ Điều kiện chính trị - xã hội

Sự phát triển của lực lượng sản xuất buộc quan hệ sản xuất phải thay đổi. Nhưng giai cấp tư sản đang là giai cấp đại diện cho quan hệ sản xuất ấy nên sẽ không bao giờ cho điều ấy diễn ra như vậy cần phải có cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân – giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất mới mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp cơ khí cũng làm cho giai cấp công nhân trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, sự trưởng thành đó đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản. Như vậy, muốn chủ nghĩa xã hội ra đời cần phải có sự đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản. Cuộc đấu tranh diễn ra bằng bạo lực cách mạng, con đường hòa bình có thể diễn ra nhưng vô cùng hiếm và thực tế cũng phải dựa trên nền tảng của đấu tranh bằng bạo lực cách mạng

Như vậy, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành thực sự của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa thông qua cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

Căn cứ vào những dự báo của C.Mác - Ph.Ăngghen và những quan điểm của V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô - Viết, có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội sau:

Một là, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

Các hình thái kinh tế - xã hội mới ra đời luôn có sự phát triển hơn so với hình thái kinh - xã hội trước đó, tuy nhiên các hình thái kinh tế - xã hội trước đây (chiếm hữu nô lệ, phong kiến, chủ nghĩa tư bản) đều dựa trên sự áp bức bóc lột của giai cấp này với giai cấp khác cho nên mới chỉ giải phóng được một bộ phận nhân dân trong xã hội – bộ phận trở thành giai cấp thống trị mới, chủ nô tới địa chủ tới tư sản. Còn chủ nghĩa xã hội tạo nên một xã hội liên hợp mà “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do cho tất cả mọi người”....

Hai là, chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ.

Đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội, xã hội vì con người và do con người. Các chế độ xã hội khác do giai cấp thống trị làm chủ, trong chủ nghĩa xã hội giai cấp công nhân là người lãnh đạo mà giai cấp này có lợi ích thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động. Do đó, nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới

Ba là, chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Nguồn gốc tạo ra sự bóc lột của giai cấp này với giai cấp khác là chế độ chiếm hữu tư nhân (tư hữu) về tư liệu sản xuất, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội được là vì nó thực hiện chế độ công hữu về các tư liệu sản

xuất và chế độ phân phối theo lao động của mỗi người. Muốn vậy cần phải “thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động và do đó (nhằm mục đích đó) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn” đối với các nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phải học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển như V.I.Lênin nói “dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền xô – viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách thức tổ chức các Tơ – rớt ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc.etc, + + = (tổng số những cái đó là) chủ nghĩa xã hội.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Nhà nước chuyên chính vô sản đồng thời với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ - lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ không phải cho bọn nhà giàu – chuyên chính vô sản còn thực hành một loạt biện pháp hạn chế quyền tự do đối với bọn áp bức, bọn bóc lột, bọn tư sản.

Năm là, chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, trọng tâm là phát triển kinh tế, văn hóa đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người, biến con người thành con người.

Sáu là, chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Vấn đề giai cấp và dân tộc có quan hệ biện chứng, bởi vậy, giải quyết vấn đề dân tộc, giai cấp trong chủ nghĩa xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng và phải tuân thủ nguyên tắc “xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ”.

2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

2.1.1 Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thời kỳ quá độ là giai đoạn chuyển tiếp giữa hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác vì một hình thái kinh tế - xã hội muốn thể hiện

ra các đặc trưng của nó không phải ngay lập tức mà phải từng bước cải tạo xã hội cũ. Như vậy, để chuyển từ hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa lên hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa cần phải có thời kỳ quá độ.

Thời kỳ quá độ có thể được hiểu theo hai nghĩa: thứ nhất, đối với các nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, cần phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội - những cơn đau đẻ kéo dài; thứ hai, đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ quá độ nhất định, thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia.

Có hai loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản:

- Quá độ trực tiếp: từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với các nước trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, cho đến nay chưa diễn ra.
- Quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Liên Xô và Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác ngày nay đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- So với các hình thái kinh tế - xã hội khác, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất, trong đó không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do cho nên tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị.

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử đối với tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội vì chủ nghĩa xã hội không thể tự phát ra đời trong lòng chủ nghĩa tư bản mà chủ nghĩa tư bản chỉ tạo tiền đề vật chất cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội cũng không nảy sinh ngay lập tức sau khi giai cấp công nhân giành chính quyền mà là kết quả của quá trình đấu tranh, cải tạo và xây dựng lâu dài của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

- Chủ nghĩa xã hội phát triển từ chủ nghĩa tư bản hoặc tiền tư bản. Do đó, nhiều tàn dư của xã hội cũ còn tồn tại lâu dài trong xã hội mới. Hơn nữa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ khó khăn, phức tạp,

chưa từng có trong lịch sử. Cho nên cần phải có thời gian để tiến hành cải tạo những tàn dư của xã hội cũ và tạo ra những tiền đề vật chất, tinh thần cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thời kỳ quá độ có sự đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần của chủ nghĩa tư bản với những yếu tố mới mang tính chất xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để, lâu dài toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội:

Trên lĩnh vực kinh tế: tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập.

Trên lĩnh vực chính trị: giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Thực hiện dân chủ với nhân dân, trấn áp với thế lực phản động. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở một số nước xã hội chủ nghĩa diễn ra trong điều kiện mới, nội dung mới, hình thức mới: giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền, xây dựng toàn diện xã hội mới, hòa bình tổ chức xây dựng.

Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa: từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

Trên lĩnh vực xã hội: còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Vì sao Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

- Có cơ sở lý luận và thực tiễn : Quan điểm của CNMLN - 2 kiểu quá độ (trực tiếp - gián tiếp) thực tế có những nước bỏ qua 1 hoặc 2 HTKTXH

- Tiến lên chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của lịch sử và quy luật tất yếu của cách mạng Việt Nam
- Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội phù hợp với khát vọng, ước muốn của con người Việt Nam yêu chuộng hòa bình, nhân ái, đoàn kết
- Đi theo con đường chủ nghĩa xã hội đã giúp Việt Nam giành được độc lập cho dân tộc, chỉ có kiên định chủ nghĩa xã hội mới giữ vững được độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện:

- Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp.
- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau.
- Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Đại hội IX đã xác định: Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nên kinh tế hiện đại.

Thứ nhất, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

Thứ ba, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành

tự về quản lý để phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất,

Thứ tư, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta có sáu đặc trưng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có tám đặc trưng:

Một là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là: Do nhân dân làm chủ.

Ba là: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

Bốn là: Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là: Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Sáu là: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Bảy là: Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tám là: Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

3.2.2. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Bốn trụ cột phát triển đất nước trong thời kỳ mới

Phát triển kinh tế - xã hội là *trung tâm*; xây dựng Đảng là *then chốt*; xây dựng văn hóa, con người làm *nền tảng tinh thần*; tăng cường quốc phòng, an ninh là *trọng yếu, thường xuyên*.

Đại hội XIII xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 khâu đột phá chiến lược

Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, Báo cáo chính trị bổ sung yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; nhấn mạnh củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

(2) Về phát triển kinh tế, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh xây dựng hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất,

chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

(3) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Báo cáo chính trị nhấn mạnh: Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

(4) Về văn hóa, xã hội, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

(5) Về dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc, Báo cáo chính trị bổ sung và nhấn mạnh: Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) Về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, Báo cáo chính trị nêu: Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu

3 đột phá chiến lược

(1) Về thể chế, Báo cáo chính trị mở rộng phạm vi thành thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; đẩy mạnh

phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng những biện pháp hữu hiệu.

(2) Về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, Báo cáo chính trị bổ sung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở chú trọng nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) Về hệ thống kết cấu hạ tầng, Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội theo hai hướng ưu tiên: Một là, phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hai là, chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Chín mối quan hệ lớn cần nhận thức và giải quyết:

Mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển.

Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

Mối quan hệ giữa tuân theo quy luật thị trường và đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường.

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế.

Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Liên hệ với thực tiễn Việt Nam?
2. Nêu nội dung quan điểm của Đảng ta và sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?
3. Phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội?

Chương 4

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. NỘI DUNG

1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

1.1.1. Quan niệm về dân chủ

Thuật ngữ dân chủ ra đời vào khoảng thế kỷ thứ VII – VI TCN, xuất phát từ tiếng Hy Lạp là “demoskratos” – nhân dân cai trị. Theo đó dân chủ được hiểu nhân dân cai trị hay gọi giản lược là quyền lực của nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân. Tuy nhiên, việc sở hữu quyền lực (công cộng) này không phải dành cho tất cả mọi người mà chỉ dành cho những ai được coi là “dân”, nội hàm của khái niệm “dân” trong mỗi giai đoạn lịch sử, nhất là trong xã hội có giai cấp do giai cấp thống trị quy định.

Quan niệm về dân qua các thời kỳ lịch sử khác nhau dẫn tới việc thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân cũng có phạm vi rộng hẹp khác nhau. Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, “dân” chỉ bao gồm giai cấp quý tộc, tăng lữ và một số tầng lớp bình dân còn lại một bộ phận đông đảo những người sống trong thời kỳ này là giai cấp nô lệ thì không được coi là “dân” thậm chí không được coi là người mà là “công cụ biết nói”. Thời kỳ phong kiến, quyền lực không phải của nhân dân mà là do “vua” nắm mang tính chất thần bí vua – “thiên tử”, nhân dân được gọi là “thần dân”, trong xã hội tư bản quyền lực của nhân dân được mở rộng hơn tuy

nhằm việc đảm bảo quyền lực của nhân dân bị chi phối bởi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu cho xã hội cho nên đảm bảo quyền lực thực sự vẫn nằm trong tay những giai cấp nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất – giai cấp tư sản.

Dân chủ theo chủ nghĩa Mác – Lênin có thể tiếp cận trên nhiều phương diện:

Thứ nhất, trên phương diện quyền lực, thì dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nước. Dân chủ là quyền lợi của nhân dân - quyền dân chủ được hiểu theo nghĩa rộng.

Thứ hai, trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị, dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước, là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ. Trong đó, thừa nhận về mặt pháp luật những quyền tự do, quyền dân chủ, quyền bình đẳng của nhân dân. Dân chủ được cụ thể hóa thành cơ chế thực thi trong cuộc sống, được quy định thành nghĩa vụ của công dân với nhà nước và trách nhiệm của nhà nước với công dân. Tức là một thể chế để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, việc đảm bảo này phụ thuộc vào bản chất của hình thái nhà nước, để xem xét nhà nước có thật sự dân chủ hay không phải xem xét nhà nước ấy mang bản chất của giai cấp nào? Bản chất của giai cấp ấy ra sao?

Thứ ba, trên phương diện tổ chức và quản lý xã hội, dân chủ là một nguyên tắc trong đó số ít phục tùng số đông, thiểu số phục tùng đa số. Đảm bảo dân chủ là đảm bảo mọi người đều có quyền tham gia (trực tiếp hoặc gián tiếp) quyết định những công việc có liên quan tới chính bản thân cũng như xã hội của người đang sống đó

Với những cách hiểu như vậy, dân chủ chính là mục tiêu, tiền đề và cũng là phương tiện để con người vươn tới tự do, giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội. Chừng nào con người và xã hội loài người còn tồn tại, chừng nào nền văn minh nhân loại chưa bị diệt vong thì chừng đó dân chủ vẫn còn tồn tại với tư cách một giá trị nhân loại chung.

Dân chủ với tư cách là một hình thức tổ chức thiết chế chính trị, phát triển gắn liền với sự xuất hiện giai cấp, nhà nước; gắn liền với giai cấp thống trị xã hội bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Không có nền dân chủ chung chung mà nền

dân chủ luôn mang bản chất của giai cấp, dân chủ theo nghĩa này là một phạm trù lịch sử, sẽ mất đi khi nhà nước tiêu vong.

Dân chủ với tư cách là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người, là kết quả đấu tranh của nhân dân lao động chống áp bức, bóc lột. Quyền lực thuộc về nhân dân là giá trị cao nhất của dân chủ và theo nghĩa này thì dân chủ là một phạm trù vĩnh viễn có giá trị nhân văn rất lớn và nó sẽ tồn tại lâu dài trong xã hội, kể cả khi giai cấp và nhà nước mất đi.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ được thể hiện là dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ tức khẳng định địa vị cao nhất là dân, dân làm chủ tức là quyền lực thuộc về nhân dân, Chủ tịch, bộ trưởng, ủy viên này khác....là đầy tớ”. Dân làm chủ còn được thể hiện ở quyền hạn và trách nhiệm làm chủ của nhân dân phải thực hiện một cách toàn diện: làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội và làm chủ chính bản thân mình.

Tóm lại, ***Dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền có quá trình ra đời, phát triển cùng với lịch sử xã hội nhân loại***

1.1.2. Sự ra đời, phát triển của các nền dân chủ

Nền dân chủ là khái niệm dùng để chỉ hình thái dân chủ gắn với bản chất, tính chất của nhà nước, là trạng thái được xác định trong những điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội có giai cấp. Nền dân chủ do giai cấp thống trị đặt ra và được thể chế hóa bằng pháp luật.

Nhu cầu về dân chủ xuất hiện rất sớm trong xã hội tự quản của cộng đồng thị tộc, bộ lạc, xuất hiện hình thức manh nha của dân chủ “dân chủ nguyên thủy”. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn tới sự ra đời của chế độ tư hữu và sau đó là giai cấp đã làm cho hình thức “dân chủ nguyên thủy” tan rã, *nền* dân chủ chủ nô ra đời - một hình thái nhà nước, một chế độ chính trị thì Trong lịch sử nhân loại, cho đến nay có ba nền (chế độ) dân chủ: Nền dân chủ chủ nô gắn liền với chế độ chiếm hữu nô lệ; nền dân chủ tư sản gắn liền với chế độ tư bản chủ nghĩa; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Muốn biết một nhà nước tư sản có thực sự hay không phải xem trong nhà nước ấy dân là ai và bản chất của chế độ xã hội ấy như thế nào?

1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

1.2.1. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Đấu tranh cho dân chủ là một quá trình lâu dài, phức tạp. Giá trị của nền dân chủ tư sản chưa phải là hoàn thiện nhất, do đó, tất yếu xuất hiện một nền dân chủ mới cao hơn nền dân chủ tư sản và đó là nền dân chủ vô sản hay còn gọi là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Quá trình hình thành của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Paris năm 1871 và chính thức được xác lập khi Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) thành công với sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới

Quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, có sự kế thừa một cách chọn lọc giá trị của các nền dân chủ trước đó, trước hết là nền dân chủ tư sản. Nguyên tắc cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa là không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng cho những người lao động, thu hút họ tham gia tự giác vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, như vậy càng hoàn thiện bao nhiêu thì nền dân chủ xã hội chủ nghĩa càng tự tiêu vong bấy nhiêu – với tư cách là một hình thức nhà nước.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tuy nhiên, để chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa thực sự quyền lực thuộc về nhân dân, ngoài yếu tố giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua Đảng Cộng sản đòi hỏi cần nhiều yếu tố như trình độ dân trí, xã hội công dân, việc tận dụng cơ chế pháp luật đảm bảo quyền tự do cá nhân, quyền làm chủ nhà nước và quyền tham gia vào các quyết sách của nhà nước. Vì vậy, để nhà nước xã hội chủ nghĩa cần phải thực hiện quá trình dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội. Dân chủ hóa

là quá trình biến những khả năng, những tiền đề dân chủ thành hiện thực dân chủ trong đời sống xã hội, quá trình các tầng lớp nhân dân làm quen với việc thực hành dân chủ, hình thành thói quen và tập quán dân chủ, nếp sống và lối sống dân chủ, Là những cuộc vận động, những phong trào xã hội trong đó các tầng lớp nhân dân tham gia ngày càng đông đảo, thiết thực vào việc XD và thực hiện các thể chế dân chủ.

1.2.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Như mọi loại hình nền dân chủ khác, *nền* dân chủ xã hội chủ nghĩa không phải là nền dân chủ chung chung cho tất cả mọi người; nó chỉ là dân chủ đối với quần chúng lao động và bị bóc lột; dân chủ vô sản là chế độ dân chủ vì lợi ích của đa số; là nền dân chủ bao quát tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa có bản chất cơ bản sau:

Bản chất chính trị: Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân, nhất nguyên về chính trị mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiện qua các quyền lực dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và lợi ích của nhân dân. Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Dân chủ xã hội chủ nghĩa thực hiện thông qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bản chất kinh tế: Dựa trên chế độ sở hữu xã hội (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội: Lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc, tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội...mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hòa về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội.

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Quan điểm về nhà nước: Nhà nước ra đời có nguồn gốc sâu xa là sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn tới dư thừa của cải làm xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và về của cải từ đó xuất hiện các giai cấp khác nhau và có giai cấp mâu thuẫn với nhau. Sự mâu thuẫn giai cấp trong xã hội ngày càng gay gắt không thể điều hòa được thì một tổ chức được giai cấp nắm giữ tư liệu sản xuất thành lập nhằm “làm dịu” sự xung đột giai cấp và duy trì xã hội trong vòng “trật tự” mà ở đó, địa vị và lợi ích của giai cấp thống trị được đảm bảo. Như vậy, bản chất nhà nước là duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp các, sự bóc lột của giai cấp này đối với giai cấp khác, sự bóc lột có số ít đối với số đông. Nhà nước là một tổ chức chính trị của một giai cấp thống trị về mặt kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của giai cấp khác.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản xuất phát từ những mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên sở hữu cá nhân về tư liệu sản xuất với tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất ngày càng gay gắt.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - xã hội xã hội chủ nghĩa.

2.1.2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột lịch sử. Tính ưu việt về mặt bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên các phương diện:

Về chính trị, nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động.

Về kinh tế, chịu sự quy định của cơ sở kinh tế dựa trên chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu. Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Về văn hóa, xã hội: xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

Như vậy, nhà nước xã hội chủ nghĩa không còn là nhà nước như nghĩa ban đầu tức là bộ máy của thiểu số những kẻ bóc lột để trấn áp đa số nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột thì nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động.

2.1.3. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước: chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước: chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...

Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước: chức năng của nhà nước được chia thành chức năng giai cấp (trấn áp) và chức năng xã hội (tổ chức và xây dựng). Bất kỳ nhà nước nào cũng có nghĩa là dùng bạo lực nhưng sự khác nhau là ở chỗ dùng bạo lực đối với những người bị bóc lột hay đối với kẻ đi bóc lột.

Nội dung chủ yếu và mục đích cuối cùng của nhà nước xã hội chủ nghĩa là cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công xã hội mới. Đây là một sự nghiệp vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là công việc cực kỳ khó khăn và phức tạp. Đòi hỏi nhà nước phải có một bộ máy cực mạnh và một tổ chức có đủ năng lực.

2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Một là: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Hai là: Ra đời trên cơ sở nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân.

3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3.1.1. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 song còn chưa sử dụng cụm từ “dân chủ xã hội chủ nghĩa” mà thường nêu quan điểm “xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa” gắn với “nắm vững chuyên chính vô sản”. Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vị trí, vai trò của dân chủ ở Việt Nam có nhiều điểm mới, dân chủ ngày càng được nhận thức, phát triển và hoàn thiện đúng đắn, phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Dân chủ được đưa vào mục tiêu tổng quát của cách mạng Việt Nam: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời khẳng định “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”.

3.1.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thể hiện ở các nội dung sau:

Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực của nhân dân).

Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội (phát huy sức mạnh của nhân dân, của dân tộc).

Dân chủ gắn với pháp luật (phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương).

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra.

Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức thông qua đó nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội.

Các quy chế dân chủ từ cơ sở đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3.2.1. Quan niệm và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Thứ hai, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hoạt động của Nhà nước được giám sát bởi nhân

dân với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

Thứ năm, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Thứ sáu, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích cho nhân dân; nhà nước là công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ người người dân, là công cụ chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ba là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Năm là, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Bôn là, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái niệm, bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa?
2. Bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa
3. Bản chất và định hướng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam
4. Nội dung và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chương 5

CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP

VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP

TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. NỘI DUNG

1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp

Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội...giữa các giai cấp và tầng lớp.

Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

Cơ cấu xã hội - giai cấp có vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác vì:

+ Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý tổ chức lao động, phân phối trong một hệ thống sản xuất nhất định.

+ Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội.

1.2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Một là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội – cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra – cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy (Ph.Ăngghen, 1995, tập 21, trang 11)

Hai là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản (đã bị đánh bại nhưng vẫn còn sức mạnh) đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển của tầng lớp mới như: doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội.....

Ba là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp:

Xét dưới góc độ chính trị, trong một chế độ xã hội nhất định, chính cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan mỗi giai cấp đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác có những lợi ích phù hợp với mình để tập hợp lực lượng thực hiện những nhu cầu và lợi ích chung - đó là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp.

Xét từ góc độ kinh tế, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, liên minh giữa các giai cấp, tầng lớp được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ...xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính qui luật phổ biến, vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam.

Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định.

Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp sau:

- Giai cấp công nhân Việt Nam: có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.
- Giai cấp nông dân cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.
- Đội ngũ trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là lực lượng trong khối liên minh.
- Đội ngũ doanh nhân: đang phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên, được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh.

3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Nội dung kinh tế của liên minh là sự hợp tác giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân....để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa hiện đại. Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ....giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế...để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội.

Nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nội dung văn hóa xã hội của liên minh là cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại, đảm bảo “gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

3.2.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.

Bốn là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

B. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích rõ cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ ở Việt Nam?

2. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vì sao phải thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp? Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam?

3. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh ở nước ta hiện nay?

4. Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

Chương 6

VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. NỘI DUNG

1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc

Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

Thứ nhất: Dân tộc (nation) hay quốc gia dân tộc là cộng đồng chính trị - xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây: có chung phương thức sinh hoạt kinh tế; có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt; có sự quản lý của một nhà nước; có ngôn ngữ chung của quốc gia; có nét tâm lý biểu hiện qua nền văn hóa dân tộc và

tạo nên bản sắc riêng của nền văn hóa dân tộc. Ví dụ như dân tộc Việt Nam, dân tộc Trung Quốc, dân tộc Thái Lan.....

Thứ hai: Dân tộc - tộc người (ethnies) là cộng đồng người được hình thành lâu dài trong lịch sử và có ba đặc trưng cơ sau: cộng đồng về ngôn ngữ; cộng đồng về văn hóa; ý thức tự giác tộc người. Ví dụ như dân tộc Tày, Thái, Ê Đê,...ở Việt Nam.

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Ngày nay, biểu hiện ở các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, đấu tranh chống kỳ thị dân tộc, phân biệt dân tộc.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Ngày nay, biểu hiện ở các dân tộc quốc gia xích lại gần nhau, hòa hợp với nhau, liên minh giữa các quốc gia dân tộc trong phạm vi khu vực và quốc tế.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong một quốc gia đa dân tộc: quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được hiến pháp, pháp luật bảo vệ; thể hiện trong cuộc sống khắc phục sự chênh lệch giữa các dân tộc trên tất cả các lĩnh vực.

Giữa các quốc gia dân tộc với nhau: gắn liền với quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa Sô – vanh nước lớn, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, dân tộc hẹp hòi...

Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình. Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc

độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Quyền dân tộc tự quyết không đồng nhất với “quyền” phân lập thành một quốc gia độc lập của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa dân tộc.

Kiên quyết chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào nội bộ của các nước hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

Ba là: Liên hiệp công khai tất cả các dân tộc

Quyền bình đẳng và quyền tự quyết là quyền thiêng liêng của các dân tộc, nhưng hiện thực hóa quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc phải là kết quả của quá trình đấu tranh chống áp bức, bóc lột dân tộc. Trong quá trình đấu tranh, tất yếu cần sự liên hiệp, đoàn kết công nhân của các dân tộc ở chính quốc và thuộc địa.

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

Đặc điểm dân tộc Việt Nam

Thứ nhất: Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.

Thứ hai: Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.

Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.

Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.

Thứ năm: Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.

Thứ sáu: Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

1.2.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc:

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.
- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp.
- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc. Quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.
- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi
- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Về chính trị: thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Về kinh tế: phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc.

Về văn hóa: xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các nước.

Về xã hội: thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Về an ninh quốc phòng: tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo

Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

Thứ nhất: Bản chất của tôn giáo

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh **hư ảo** hiện thực khách quan. Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hóa do con người sáng tạo ra. Về thể giới quan, tôn giáo mang thể giới quan duy tâm có sự khác biệt với thể giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thứ hai: Nguồn gốc tôn giáo

Tôn giáo ra đời là một sản phẩm của lịch sử, xuất phát từ các nguồn gốc (nguyên nhân) chủ yếu:

Nguyên nhân tự nhiên, kinh tế - xã hội: Con người bất lực trước tự nhiên nên gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí. Trong xã hội có giai cấp, con người bị bóc lột, bị áp bức, bất công nhưng không lý giải được và trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

Nguyên nhân nhận thức: Nhận thức của con người trong một giai đoạn nhất định là có hạn, khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, những điều mà khoa học chưa giải thích được thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính tôn giáo.

Nguyên nhân tâm lý: Sự sợ hãi trước hiện tượng tự nhiên, xã hội, những điều may, rủi bất ngờ hay tâm lý muốn được bình yên khi làm việc lớn (ma chay, cưới hỏi, khởi đầu sự nghiệp.....) con người cũng dễ tìm đến tôn giáo. Sự biết ơn với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo.

Thứ ba: Tính chất tôn giáo

Tôn giáo có tính lịch sử: là một hiện tượng lịch sử, có sự hình thành tồn tại và phát triển cũng như có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội.

Tôn giáo có tính quần chúng nhân dân: thể hiện ở số lượng tín đồ đông đảo (3/4 dân số thế giới), đồng thời tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của

một bộ phận quần chúng nhân dân. Tôn giáo luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.

Tôn giáo có tính chính trị: xuất hiện khi xã hội có giai cấp, tôn giáo lúc này phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc. Các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.
- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.
- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.
- Có quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.

2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo: có 13 tôn giáo được tư cách pháp nhân với khoảng 24 triệu tín đồ tôn giáo.
- Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo.
- Các tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.
- Hàng ngũ chức sắc tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.
- Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.
- Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực phản động lợi dụng.

2.2.2. Chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo.
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng/
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị
- Công dân có quyền theo hoặc không theo tôn giáo, các tín đồ có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất.
- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống.
- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo nhằm thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhất là tập trung ở 4 khu vực trọng điểm: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung.

3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam.
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.

B.CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

2. Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

3. Phân tích, làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo và giải quyết các vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

4. Trình bày những quan điểm, tư tưởng chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

5. Phân tích mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, độc lập, chủ quyền của Tổ Quốc?

Chương 7

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. NỘI DUNG

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1.1. Khái niệm gia đình

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng ấy.

1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

Gia đình là tế bào của xã hội “...nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội chính là gia đình”.

Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên.

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng người. Gia đình là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

1.3. Chức năng của gia đình

Chức năng tái sản xuất ra con người: đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục: gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên, từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già.

Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng: Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động mà còn là đơn vị tiêu dùng trong xã hội.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình: Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị....

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi là từng bước hình thành và củng cố chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu thay thế cho chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ.

2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thông qua hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội,...

2.3. Cơ sở văn hóa

Cơ sở văn hóa của gia đình là việc những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội.

2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

Chế độ hôn nhân trong chủ nghĩa xã hội là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng và được đảm bảo về pháp lý.

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ, tất nhiên không bác bỏ việc cha mẹ, quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn. Hôn nhân tiến bộ, tự nguyện bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa.

Bản chất của tình yêu là không chia sẻ được nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng.

Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại.

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Biến đổi quy mô, cấu trúc gia đình

Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống. Quy mô gia đình có xu hướng nhỏ hơn, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Gia đình gồm ba, bốn thế hệ cùng chung sống giảm dần, gia đình hiện nay thường chỉ có hai thế hệ sống chung, số con trong gia đình cũng không nhiều hơn trước.

Sự biến đổi về quy mô của gia đình tạo điều kiện để sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của mỗi người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Mặt khác, nó cũng tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình.

Biến đổi các chức năng của gia đình

Chức năng tái sản xuất ra con người: việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Trước đây, nhu cầu về con cái thể hiện ở chỗ phải có con, càng đông con càng tốt và tốt nhất phải có con trai để nối dõi thì ngày nay có những thay đổi căn bản là giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng.

Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng: chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt. Thứ nhất, nền kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. Thứ hai, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Chức năng giáo dục: Chức năng giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới. Tuy nhiên, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm: nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm.

Sự biến đổi quan hệ gia đình

Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng: Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình mà ngoài ra có có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người làm chủ gia đình là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội được các thành viên trong gia đình coi trọng.

Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa gia đình: Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Đồng thời khi quy mô gia đình biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm.

Gia đình hiện nay đối mặt với nhiều hiện tượng mà trước đây chưa hề hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử,... làm rạn nứt, phá hoại sự bền vững của gia đình, làm cho gia đình trở nên mong manh, dễ tan vỡ hơn.

3.3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình.

Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

B. CÂU HỎI

1. Phân tích vị trí, chức năng của gia đình?
2. Trình bày những cơ sở của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
3. Những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
4. Trình bày những phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

